|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CA HUYỆN (Q,TX,TP) | **THÔNG TIN NGƯỜI SỬ DỤNG TRÁI PHÉP CHẤT MA TÚY** | **Biểu số: MT1** |
| CA XÃ (phường, TT)… | Theo TT số 13/2022/TT-BCA ngày 05/4/2022 |

Ngày lập mẫu:………./………/……….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | 1. | Họ và tên:…………………………………….. |
| Ảnh 3x4 |  | 2. | Tên khác: …………………………………….. |
|  | 3. | Giới tính: Nam: Nữ: |
|  | 4. | Ngày/tháng/năm sinh: ……………………….. |
|  | 5. | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:………………..... |
|  |  | 6. | Mã số định danh cá nhân:…………………….. |

7. Quan hệ nhân thân:

- Họ và tên cha:…..………………………………..Ngày/tháng/năm sinh:………

- Họ và tên mẹ:…………………………………….Ngày/tháng/năm sinh:………

- Họ và tên vợ/chồng: ……………………………..Ngày/tháng/năm sinh:………

8. Quê quán:……………………………………………………………………….

9. Nơi đăng ký thường trú/tạm trú:………………………………………………

…………………………………………………………………………………….

10. Nơi ở hiện tại:…. ……………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….

11. Đối tượng thuộc diện:

- Thường trú: - Tạm trú:

- Lưu trú: - Không có nơi cư trú ổn định:

12. Trình độ học vấn:

- Chưa biết chữ: - Giáo dục PT: Lớp :…………. ..- Trung cấp:

- Cao đẳng:  - Đại học: - Trên Đại học:

13. Quốc tịch: Việt Nam: Nước khác: .................(Ghi tên nước)

Đa quốc tịch: Không quốc tịch:

14. Dân tộc: Kinh: Khác: (Ghi tên dân tộc……)

15.Tôn giáo: Có: ….... (Ghi tên tôn giáo) Không:

16. Nghề nghiệp: Có: …..…(Ghi tên nghề nghiệp) Không:

17. Tình trạng việc làm: Có việc làm: Không có việc làm:

Có việc làm nhưng không ổn định:

18. Thành phần bản thân:

- Học sinh: - Sinh viên: - Công nhân:

- Cán bộ, công chức, viên chức: - Nông dân:

- Khác:

19. Thông tin khác về nhân thân: - Đảng viên:

- Tiền án: Ma túy: (số lượng :…..) Hình sự: (số lượng :…..)

Kinh tế: (số lượng :…..) Khác: (số lượng :…..)

*(Ghi rõ án tích tội gì*:……………………………………………………*)*

- Tiền sự: Ma túy: (số lượng :…..) Hình sự: (số lượng :…..)

Kinh tế: (số lượng :…..) Khác: (số lượng :…..)

*(Ghi rõ hành vi vi phạm :*…………………………………………………*)*

- Số lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do VPPL về ma túy:

+ Cảnh cáo:…………………………………………………...(lần)

+ Phạt tiền:…………………………………………………...(lần)

+ Giáo dục tại xã, phường, thị trấn:…………………………..(lần)

+ Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng:………(lần)

(*Ghi rõ thời gian các lần bị xử lý hành chính*:…………..…………)

- Tái sử dụng trái phép chất ma túy sau quyết định quản lý:

- Thời gian tái sử dụng trái phép chất ma túy: ……..….năm (≤ 01 năm, sau… năm).

- Số lần đã bị đưa vào danh sách quản lý: ………………………….

20. Địa điểm sử dụng ma túy:

- Vũ trường, quán bar: - Quán karaoke: - Homestay:

- Khu nghỉ dưỡng: - Khách sạn: - Nhà nghỉ:

- Nhà trọ, phòng trọ: - Nhà riêng: - Trường học:

- Nơi khác:

21. Loại ma túy sử dụng:

- Thuốc phiện: - Cần sa: - Cocaine: - Heroine:

- Methaphetamine (ma túy đá): - Amphetamine: - Ketamine:

- MDMA(thuốc lắc): - XLR-11: - LSD:

- Sử dụng nhiều loại ma túy: - Khác:

22. Hình thức sử dụng ma túy: - Hút: - Hít: - - Uống:

- Tiêm chích: - Khác:

23. Nguyên nhân sử dụng ma túy:

- Không hiểu tác hại của ma túy: - Tò mò, thử cho biết:

- Biết tác hại của ma túy nhưng vẫn sử dụng: - Bị lôi kéo, dụ dỗ:

- Do buồn chán: - Bị mắc lừa:

- Khác:

24. Quyết định quản lý số…………… ngày……..tháng……… năm… ………

- Thời hạn quản lý :………… *(Từ ngày……/…./….. đến ngày …/…./….).*

- Đang trong thời hạn quản lý: - Hết thời hạn quản lý:

25. Hiện đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

- Giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

- Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng:

26. Tình trạng sức khỏe hiện tại:

- Bình thường: - Biểu hiện loạn thần (ngáo đá):

- Nhiễm HIV/AIDS: - Bệnh lao: - Bệnh lý khác:

27. Tình trạng cư trú hiện tại:

- Có mặt tại nơi cư trú: - Vắng:

- Đang ở: + Cơ sở giáo dục bắt buộc: + Trường giáo dưỡng:

+ Trại giam: + Trại tạm giam: + Nhà tạm giữ:

- Bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được nơi cư trú:

- Không có nơi cư trú ổn định, sống lang thang tại địa phương:

- Chuyển cư trú từ ngày ……………đến (*ghi theo đơn vị hành chính)* ........................................................................................................................

28. Chết do: - Quá liều sử dụng chất ma túy: - HIV/AIDS: - Khác:

29. Tòa án tuyên mất tích:

30. Quá trình xác định tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy:

- Thời điểm bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy:…………………………….

- Thời điểm lần đầu tiên bị lực lượng chức năng phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy:…………………………………………………………………………….

- Thời điểm xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể có kết quả dương tính: …………………………………………………………………………………..

- Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể: *(Ghi rõ số, ngày, tháng , năm, tên cơ quan có thẩm quyền xác định có kết quả dương tính với ma túy)*……………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...........................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập mẫu**  *(Ký, họ tên)* |  | **TRƯỞNG CÔNG AN XÃ (P, TT)**  *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CA HUYỆN (Q,TX,TP) | **THÔNG TIN NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY** | **Biểu số: MT2** |
| CA XÃ (phường, TT)… | Theo TT số 13/2022/TT-BCA ngày 05/4/2022 |

Ngày lập mẫu:………./………/……….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | 1. | Họ và tên:…………………………………….. |
| Ảnh 3x4 |  | 2. | Tên khác: …………………………………….. |
|  | 3. | Giới tính: Nam: Nữ: |
|  | 4. | Ngày/tháng/năm sinh: ……………………….. |
|  | 5. | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:………………..... |
|  |  | 6. | Mã số định danh cá nhân:…………………….. |

7. Quan hệ nhân thân:

- Họ và tên cha:..…………………………………..Ngày/tháng/năm sinh:………

- Họ và tên mẹ:…………………………………….Ngày/tháng/năm sinh:………

- Họ và tên vợ/chồng: ……………………………..Ngày/tháng/năm sinh:………

8. Quê quán:……………………………………………………………………….

9. Nơi đăng ký thường trú/tạm trú:………………………………………………

…………………………………………………………………………………….

10. Nơi ở hiện tại: ……………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….

11. Đối tượng thuộc diện:

- Thường trú: - Tạm trú:

- Lưu trú: - Không có nơi cư trú ổn định:

12. Trình độ học vấn:

- Chưa biết chữ: - Giáo dục PT: Lớp:…………. - Trung cấp:

- Cao đẳng:  - Đại học: - Trên Đại học:

13. Quốc tịch: Việt Nam: Nước khác: ..................(Ghi tên nước)

Đa quốc tịch: Không quốc tịch:

14. Dân tộc: Kinh: Khác: (Ghi tên dân tộc…)

15.Tôn giáo: Có: ….... (Ghi tên tôn giáo) Không:

16. Nghề nghiệp: Có: …..… (Ghi tên nghề nghiệp) Không:

17. Tình trạng việc làm: Có việc làm: Không có việc làm:

Có việc làm nhưng không ổn định:

18. Thành phần bản thân:

- Học sinh: - Sinh viên: - Công nhân:

- Cán bộ, công chức, viên chức: - Nông dân:

- Khác:

19. Thông tin khác về nhân thân: - Đảng viên:

- Tiền án: Ma túy: (số lượng:…..) Hình sự: (số lượng:…..)

Kinh tế: (số lượng:…..) Khác: (số lượng:…..)

*(Ghi rõ án tích tội gì*:……………………………………………………*)*

- Tiền sự: Ma túy: (số lượng:…..) Hình sự: (số lượng:……)

Kinh tế: (số lượng:…..) Khác: (số lượng:…..)

*(Ghi rõ hành vi vi phạm :*…………………………………………………*)*

- Bị xử lý vi phạm hành chính do VPPL về ma túy: …………..(số lần)

+ Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:……………………..........(số lần)

+ Đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng:…………………(số lần)

(*Ghi rõ hành vi và thời gian các lần bị xử lý hành chính*:…………..……)

- Tái nghiện trong thời hạn quản lý sau cai:

- Tái nghiện sau thời hạn quản lý sau cai:

- Thời gian tái nghiện sau cai nghiện: …….năm (≤ 01 năm, sau… năm)

- Số lần bị đưa vào danh sách quản lý người nghiện chất ma túy:..……

20. Địa điểm sử dụng ma túy:

- Vũ trường, quán bar: - Quán karaoke: - Homestay:

- Khu nghỉ dưỡng: - Khách sạn: - Nhà nghỉ:

- Nhà trọ, phòng trọ: - Nhà riêng: - Trường học:

- Nơi khác:

21. Loại ma túy sử dụng:

- Thuốc phiện: - Cần sa: - Cocaine: - Heroine:

- Methaphetamine (ma túy đá): - Amphetamine: - Ketamine:

- MDMA(thuốc lắc): - XLR-11: - LSD:

- Sử dụng nhiều loại ma túy: - Khác:

22. Hình thức sử dụng ma túy: - Hút: - Hít: - - Uống:

- Tiêm chích: - Khác:

23. Nguyên nhân sử dụng ma túy:

- Không hiểu tác hại của ma túy: - Tò mò, thử cho biết:

- Biết tác hại của ma túy nhưng vẫn sử dụng: - Bị lôi kéo, dụ dỗ:

- Do buồn chán: - Bị mắc lừa:

- Khác:

24. Số lần đã cai nghiện: ……….(nếu chưa từng tham gia cai nghiện thì điền 0).

25. Hình thức, biện pháp cai nghiện đã áp dụng: *(tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy; bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy…)*………

…………………………………………………………………………………….

26. Hiện đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính:

- Giáo dục tại xã, phường, thị trấn:

- Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

27. Hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

- Hoãn chấp hành: - Miễn chấp hành:

28. Hiện tại chưa được cai nghiện:

29. Đang cai nghiện tại:

- Gia đình, cộng đồng: - Trại giam: - Trại tạm giam:

- Cơ sở cai nghiện công lập: - Cơ sở giáo dục bắt buộc:

- Cơ sở cai nghiện tự nguyện: - Trường giáo dưỡng: - Khác:

- Tên CSCN, CSGDBB, TGD, TTG, TG:……………… ...……..(nếu có).

30. Biện pháp cai nghiện hiện tại: - Tự nguyện: - Bắt buộc:

31. Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế (Methadone, Buprenophin..): + Đã điều trị: Từ ngày…………đến ngày.....................

+ Đang điều trị:Từ ngày…………đến ngày....................

+ Dừng điều trị: Từ ngày………......................................

32. Đã được điều trị loạn thần do sử dụng trái phép chất ma túy:

33. Đã hoàn thành cai nghiện:

34. Quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú:

Thời hạn quản lý: Từ ngày……/……/……..đến ngày…../…../……

35. Hỗ trợ sau cai nghiện:

- Được học văn hóa: - Được dạy nghề: - Được tạo việc làm:

- Được vay vốn: - Khác:

- Tổng số vốn cho vay (triệu đồng):………………………………………

- Chưa được hỗ trợ:

36. Tình trạng sức khỏe hiện tại:

- Bình thường: - Biểu hiện loạn thần (ngáo đá):

- Nhiễm HIV/AIDS: - Bệnh lao: - Bệnh lý khác:

37. Tình trạng cư trú hiện tại:

- Có mặt tại nơi cư trú: - Vắng:

- Đang ở: + CSCN ma túy công lập: + CSCN ma túy tự nguyện:

+ Cơ sở giáo dục bắt buộc: + Trường giáo dưỡng:

+ Trại giam: + Trại tạm giam: + Nhà tạm giữ:

- Đang điều trị tại cơ sở y tế:

- Bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được nơi cư trú:

- Không có nơi cư trú ổn định, sống lang thang tại địa phương:

- Chuyển cư trú từ ngày ……………đến (*ghi theo đơn vị hành chính)* ........................................................................................................................

38. Chết do: - Quá liều sử dụng chất ma túy: - HIV/AIDS: - Khác:

39. Tòa án tuyên mất tích:

40. Quá trình xác định tình trạng nghiện ma túy:

- Thời điểm bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy:…………………………….

- Thời điểm lần đầu tiên bị lực lượng chức năng phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy:……………………………………………………………………………

- Thời điểm xác định tình trạng nghiện ma túy:……………………………….

- Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy: *(Ghi rõ số, ngày tháng, năm, tên cơ quan y tế ban hành văn bản xác định tình trạng nghiện)*……………....

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập mẫu**  *(Ký, họ tên)* |  | **TRƯỞNG CÔNG AN XÃ (P, TT)**  *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ĐƠN VỊ | **THÔNG TIN**  **VỤ PHẠM TỘI VÀ NGƯỜI PHẠM TỘI VỀ MA TÚY** | **Biểu số: MT3** |
| (Đội CSĐT TP về MT Công an huyện, Phòng PC04, Cục C04) | Theo TT số 13/2022/TT-BCA ngày 05/4/2022 |

Ngày lập mẫu:…/…./….

**I. VỤ PHẠM TỘI VỀ MA TÚY**

1. Lực lượng phát hiện, bắt giữ:

2. Thời gian phát hiện, bắt giữ:

3. Địa bàn phát hiện, bắt giữ: (*phường/xã, quận, huyện, tỉnh*)……………..

4. Số người phạm tội ma túy bị phát hiện, bắt giữ:…………………………

(*Có thông tin người phạm tội kèm theo)*

5. Quyết định khởi tố vụ án hình sự:

- Số……….../ …………ngày……...tháng……năm…………................

- Tội danh khởi tố:….…………………(Khoản…,Điều……..BLHS2015).

6. Số đối tượng phạm tội ma túy bị khởi tố: ..............................................

7. Vật chứng thu giữ:

- Heroine (kg):………………….; - Cocaine (kg):…………………

- Thuốc phiện: + Nhựa ……...:……….(kg); + Quả khô:…………(kg);

+ Quả tươi:……………(kg); + ......……………..(cây);

- Cần sa : + Nhựa :……….…….(kg); +.. ………………..(cây);

+ Lá, thân, rễ, cành, hoa, quả:………………………(kg);

- Lá khát:…………………………(kg) ;

- Methamphetamine:……………..(kg); ………………….......(lít)

- Amphetamine:…………………..(kg); ..……………………(lít)

- Ketamine: ………………………(kg); … ……………………(lít)

- Nhóm coca: + Cao coca………..(kg); ....…………………… (lít);

+ Lá coca:………….(kg);

- MDMA (thuốc lắc):……………(kg); ……………………(viên)

- XLR - 11: ………………………(kg); …………………….(viên)

- LSD:…………………………….(kg); …………………….(lít)

- Ma túy khác (ở thể rắn, lỏng, khí): +………………….………(kg);

+ ……………………..(lít); +………………………….(m3)

- Tiền chất:………..………… …..(kg); ………………………(lít)

- Thuốc gây nghiện:………………(kg); ……………………..(lít)

- Thuốc hướng thần:……………..(kg); ………………………(lít)

- Thuốc tiền chất:………..……….(kg); ………………………(lít)

- Nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc:………………………(kg)……………….(lít)

- Thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất:

………………………(kg)……………..(viên)

- Số lượng đơn vị công cụ, phương tiện dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy: ……………gồm:*(ghi cụ thể chủng loại, số lượng)*

……………………………………………………………………………

- Tiền Việt Nam (triệu đồng): ……………………………………………

- Ngoại tệ:

USD:………….; Euro:…………..; Nhân dân tệ:…………….

Khác: ……………………(trị giá quy đổi là:……….triệu đồng)

- Kim khí quý, đá quý: Vàng (kg):…………; Bạc (kg):……………….

Đá quý (kg):……….; Khác (kg):……………..

- Phương tiện, tài sản khác:

Ô tô (chiếc):………; Xe máy (chiếc):………; ĐTDĐ(chiếc):……..;

Máy ghi âm (chiếc):……..; Camera (chiếc):………; Khác:………

- Hung khí: Dao (chiếc):……………….; Kiếm (chiếc):……………….;

Lê (chiếc):…………………; Khác:……………………….

- Vũ khí, vật liệu nổ:

Súng (khẩu):……………; Loại súng: (*Ghi chủng loại, số lượng*)………

………….…………..………………………………………………………

Đạn (viên):……………..; Lựu đạn (quả):………; Mìn (quả):……….;

Thuốc nổ (kg)…………..; Khác:……………………….

- Công cụ hỗ trợ:…………………………………………………………

8. Nguồn gốc ma túy thu giữ: *(từ các vụ phạm tội ma túy /vô chủ)*……………

……………………………………………………………………………………

9. Phương thức vận chuyển ma túy:

- Đường hàng không: - Đường bộ: - Đường sắt:

- Đường thủy nội địa: - Đường biển:

- Đường bưu chính: - Chưa xác định:

10. Thủ đoạn cất giấu ma túy:

- Trong công cụ, phương tiện xe cộ: - Trong hành lý, đồ vật:

- Tại nơi ở, nơi làm việc, kho, bãi, vườn:

- Trong người (giấu trong quần áo mặc trên người, nuốt trong bụng…):

- Tẩm, trộn, ngụy trang bằng các hàng hóa khác:

- Khác:

**II. THÔNG TIN NGƯỜI PHẠM TỘI MA TÚY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | 1 | Họ và tên:……………………………………. |
| Ảnh 3x4 |  | 2. | Tên khác: ……………………………………. |
|  | 3. | Giới tính: Nam: Nữ: |
|  | 4. | Ngày/tháng/năm sinh: ……………………….. |
|  | 5. | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……………….... |
|  |  | 6. | Mã số định danh cá nhân:……………………. |

7. Quan hệ nhân thân:

- Họ và tên cha:..…………………………………..Ngày/tháng/năm sinh:………

- Họ và tên mẹ:…………………………………….Ngày/tháng/năm sinh:………

- Họ và tên vợ/chồng: ……………………………..Ngày/tháng/năm sinh:………

8. Quê quán:……………………………………………………………………….

9. Nơi đăng ký thường trú/tạm trú:.……………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

10. Nơi ở hiện tại:…..……………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………….

11. Đối tượng thuộc diện:

- Thường trú: - Tạm trú:

- Lưu trú: - Không có nơi cư trú ổn định:

12. Trình độ học vấn:

- Chưa biết chữ: - Giáo dục phổ thông: Lớp… - Trung cấp:

- Cao đẳng:  - Đại học: - Sau Đại học:

13. Quốc tịch: Việt Nam: Nước khác: .............(Ghi tên nước)

Không quốc tịch: Đa quốc tịch:

14. Dân tộc: Kinh: Khác: ………(Ghi tên dân tộc:…..)

15.Tôn giáo: Có: (Ghi tên tôn giáo:…….) Không:

16. Nghề nghiệp: Có: (Ghi tên nghề nghiệp:…) Không:

17. Tình trạng việc làm của đối tượng trước khi bị bắt:

- Có việc làm: - Không có việc làm:

- Có việc làm nhưng không ổn định:

18. Thành phần:

- Học sinh: - Sinh viên: - Công nhân:

- Cán bộ, công chức, viên chức: - Nông dân:

- Khác:

19. Thông tin khác về nhân thân đối tượng:

- Đảng viên: - Là người sử dụng trái phép chất ma túy:

- Là người nghiện ma túy:

- Tiền án: Ma túy: (số lượng:…..) Hình sự: (số lượng:…..)

Kinh tế: (số lượng:…..) Khác: (số lượng:…..)

*(Ghi rõ án tích tội gì*:……………………………………………………*)*

- Tiền sự: Ma túy: (số lượng:…..) Hình sự: (số lượng:…..)

Kinh tế: (số lượng:…..) Khác: (số lượng:…..)

*(Ghi rõ hành vi vi phạm :*…………………………………………………*)*

- Số lần bị xử lý vi phạm hành chính do VPPL về ma túy:………..(lần)

(*Ghi rõ hành vi và thời gian các lần bị xử lý vi phạm hành chính:*……………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

20. Quyết định khởi tố bị can số:………..….ngày ….tháng……năm …….…..

21.Tội danh của đối tượng:

- Điều 247: - Điều 248: - Điều 249: - Điều 250:

- Điều 251: - Điều 252: - Điều 253: - Điều 254:

- Điều 255: - Điều 256: - Điều 257: - Điều 258:

- Điều 259:

22. Mức án của đối tượng:

- Án treo: - Cải tạo không giam giữ: - Trục xuất:

- Phạt tù đến 3 năm: - Phạt tù từ trên 3 năm đến 7 năm:

- Phạt tù từ trên 7 năm đến 15 năm:

- Phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm:

- Phạt tù từ trên 20 năm đến 30 năm:

- Phạt tù chung thân: - Tử hình:

23. Thi hành án hình sự:

- Tại cộng đồng: - Tại cơ sở giam, giữ:

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập mẫu**  *(Ký, họ tên)* |  |  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |